BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 8109 /BC-BNN-CN	*Hà Nội, ngày 01 tháng 12 năm 2022*

BÁO CÁO
Đánh giá tác động chính sách trong xây dựng chính sách đầu tư hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi

I. GIỚI THIỆU CHUNG

1. Bối cảnh ban hành chính sách

Chăn nuôi là ngành kinh tế - kỹ thuật quan trọng của Việt Nam, cung cấp thực phẩm thiết yếu cho con người góp phần bảo đảm an ninh thực phẩm quốc gia, từng bước thay thế nhập khẩu và bước đầu cho xuất khẩu một số sản phẩm: Mật ong, lợn sữa, lợn thịt, trứng muối, trứng cút, thịt gà, tổ yến, các sản phẩm sữa. Mặc dù, chăn nuôi Việt Nam đang chuyển dịch nhanh theo hướng trang trại, công nghiệp chiếm trên 45% về quy mô và trên 60% về sản lượng nhưng đây cũng là loại hình kinh tế tạo được nhiều việc làm và góp phần cải thiện thu nhập của người dân ở khu vực nông thôn. Ngành chăn nuôi đã tạo sinh kế cho 6,0-6,5 triệu hộ trong 8,6 triệu hộ sản xuất nông nghiệp góp phần thay đổi bộ mặt của khu vực nông thôn. Thu nhập của đại bộ phận dân cư nông thôn không ngừng được cải thiện, nhiều hộ gia đình đã làm giàu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh lĩnh vực chăn nuôi. Để tạo điều kiện phát triển chăn nuôi nông hộ bền vững, hiệu quả, ngày 04/9/2014, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg về chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015 - 2020.

Sau gần 06 năm triển khai thực hiện hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ, Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg đã góp phần nâng cao tỷ trọng giá trị sản xuất chăn nuôi trong nông nghiệp, giá trị các sản phẩm chủ lực, có tiềm năng lợi thế ngày càng tăng; thị trường các sản phẩm gia súc, gia cầm nhìn chung ổn định, bảo đảm nâng cao hiệu quả cho người chăn nuôi; từng bước chuyển đổi hướng sản xuất từ chú trọng năng suất, sản lượng sang chú trọng chất lượng và giá trị, an toàn thực phẩm; các tiến bộ kỹ thuật trong chăn nuôi được cập nhật, ứng dụng và chuyển giao có hiệu quả.

Chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ đã thực sự đi vào cuộc sống, tạo được sự đồng tình ủng hộ của nhiều địa phương, đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng của các hộ chăn nuôi, tác động tích cực đến cuộc sống hàng triệu hộ chăn nuôi, góp phần tạo công ăn việc làm cho người dân nông thôn, chăn nuôi nhỏ lẻ nhưng có kiểm soát vẫn là nguồn thu nhập chính cho hộ nông dân và ổn định sinh kế cho người dân. Một mặt đem lại hiệu quả kinh tế rõ rệt thông qua chương trình cải tạo và nâng cao năng suất đàn gia súc (lợn, trâu, bò) bằng hỗ trợ liều tinh và vật tư phối giống, hỗ trợ lợn, trâu, bò đực, gà, vịt giống chất lượng

cao, mặt khác cải tạo cảnh quan, môi trường nông thôn thông qua hỗ trợ xử lý chất thải trong chăn nuôi, vừa giảm thiểu ô nhiễm môi trường, vừa tạo ra chất đốt cho chăn nuôi, cho sinh hoạt hằng ngày và tạo ra dạng phân bón hữu cơ cho cây trồng từ các công trình khí sinh học.

Chính sách hỗ trợ trâu, bò đực giống, gà giống bố mẹ và hỗ trợ tinh lợn ngoại tạo ra sản phẩm có chất lượng tốt, năng suất cao, an toàn thực phẩm được người tiêu dùng ưa chuộng, tăng thu nhập cho người dân và nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm, góp phần quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đàn bò, lợn, gia cầm của các địa phương. Đặc biệt, thông qua chương trình truyền giống nhân tạo bò đã tạo ra giống bò lai hướng thịt năng xuất cao, tăng sản phẩm có giá trị cho xã hội và nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm, góp phần quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đàn bò của các địa phương.

Chính sách đã góp phần chuyển nghề chăn nuôi gia súc, gia cầm từ tự cung tự cấp sang chăn nuôi hàng hoá, đồng thời nâng cao nhận thức của người dân trong việc áp dụng các biện pháp kỹ thuật vào chăn nuôi nâng cao thu nhập, đóng góp tích cực vào quá trình xoá đói, giảm nghèo, làm giàu cho nông dân ở các địa phương. Đồng thời, chính sách hỗ trợ xây dựng các công trình xử lý chất thải chăn nuôi đã góp phần rất lớn về giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi đang bức xúc hiện nay, là một trong 19 tiêu chí quan trọng phải đạt trong xây dựng Chương trình Nông thôn mới, đồng thời nâng cao sức khỏe người dân thông qua việc giảm mùi hôi, giảm ô nhiễm không khí…

Việc thực hiện các chính sách hỗ trợ chăn nuôi nông hộ tại Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg đã góp phần duy trì tốc độ tăng trưởng trung bình của ngành chăn nuôi 6%/năm trong giai đoạn 2015-2020, trong đó, năm 2020: Sản lượng thịt các loại trên 5,3 triệu tấn (trong đó thịt lợn đạt trên 3,46 triệu tấn, thịt gia cầm 1,42 triệu tấn) tương đương 230.000-250.000 tỷ đồng, riêng giá trị ngành hàng thịt lợn đã ngang bằng với ngành lúa gạo); trên 14,5 tỷ quả trứng (tương đương khoảng 26.000 tỷ đồng) và 1.704 nghìn tấn sữa tươi nguyên liệu (tương đương với trên 12.000 tỷ đồng); doanh số ngành thức ăn chăn nuôi công nghiệp hằng năm đạt 20 triệu tấn (tương đương với trên 200.000 tỷ đồng).

Tuy nhiên, quá trình triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ theo Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg vẫn tồn tại một số hạn chế: (1) Bộ Tài chính chậm ban hành thông tư hướng dẫn về tài chính dẫn đến việc triển khai hỗ trợ kinh phí trong năm 2015 không triển khai được; (2) Phương thức hỗ trợ chính sách theo Quyết định 50/2014/QĐ-TTg là hỗ trợ sau đầu tư: Người chăn nuôi nhỏ lẻ, đặc biệt là người dân tộc thiểu số chưa quen với phương thức này. Mặt khác, địa bàn vùng đặc biệt khó khăn còn thiếu kinh phí đối ứng để thực hiện đầu tư mua con giống trước, nhận hỗ trợ sau; (3) Đối tượng thụ hưởng chính sách hỗ trợ mua con giống là các nông hộ ở vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số thu nhập thấp nên các hộ nông dân chưa chú trọng đầu tư, áp dụng kỹ thuật mới để phát triển chăn nuôi, xử lý chất thải chăn nuôi; (4) Một số địa phương chưa chủ động cân đối được Ngân sách địa phương, còn khó khăn khi chờ nguồn kinh phí từ Ngân sách trung ương để triển khai thực

hiện Quyết định 50/2014/QĐ-TTg; (5) Khó khăn trong việc lựa chọn đơn vị cung cấp con giống, tinh, vật tư kỹ thuật vì còn nhiều tiêu chí quy định cho các đơn vị cung cấp con giống, vật tư kỹ thuật.

Hiện nay, Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg đã hết hiệu lực thi hành, tuy nhiên kết quả tổng kết việc thực hiện Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg cho thấy một số chính sách đã hoàn thành vai trò lịch sử, một số chính sách cần sửa đổi, bổ sung và tiếp tục thực hiện để thúc đẩy sự phát triển bền vững của ngành chăn nuôi.

Ngày 06/10/2020, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1520/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn 2021- 2030, tầm nhìn 2045, trong đó nhấn mạnh rằng một trong những giải pháp quan trọng hàng đầu để đạt được được những mục tiêu mà Chiến lược đề ra là hoàn thiện và tổ chức thực hiện có hiệu quả các nhóm chính sách phát triển chăn nuôi: Chính sách về đất đai, tài chính, tín dụng, thương mại... Bên cạnh đó, ngày 18/11/2018, Quốc hội khóa XIV đã thông qua Luật Chăn nuôi và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2020, trong đó, Điều 4 quy định về các chính sách của nhà nước cần đầu tư, hỗ trợ và khuyến khích để tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân tham gia các hoạt động phát triển chăn nuôi. Vì vậy, cũng cần rà soát, sửa đổi các chính sách hiện có cho phù hợp với tình hình thực tiễn hiện nay và bổ sung các chính sách chưa được quy định để phát triển chăn nuôi thành ngành kinh tế - kỹ thuật, hiện đại, hiệu quả và bền vững trong giai đoạn tới.

Từ những phân tích trên đây, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã kiến nghị với Chính phủ xây dựng Nghị định quy định về chính sách đầu tư hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nhằm góp phần khắc phục những hạn chế, bất cập nêu trên, đồng thời tạo tiền đề để phát triển ngành chăn nuôi, góp phần thúc đẩy đất nước ngày một phát triển.

2. Mục tiêu của báo cáo đánh giá tác động của dự thảo Nghị định quy định chính sách đầu tư hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi

Mục tiêu của báo cáo này nhằm đánh giá tác động kinh tế - xã hội đối với nội dung trong dự thảo Nghị định quy định chính sách đầu tư hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi, góp phần củng cố cơ sở thực tiễn cho việc xây dựng và hoàn thiện Dự thảo Nghị định, giúp cơ quan có thẩm quyền trong việc thẩm định và ban hành Nghị định có đủ thông tin để quyết định thông qua Dự thảo Nghị định.

Mặt khác, để cung cấp đủ các thông tin, bảo đảm cơ sở cho việc xây dựng Dự thảo Nghị định đáp ứng được với yêu cầu chung thì ngoài báo cáo kết quả thực hiện Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg về chính sách hỗ trợ chăn nuôi nông hộ giai đoạn 2015-2020, việc đánh giá tác động kinh tế - xã hội của Dự thảo Nghị định góp phần nâng cao chất lượng của các quy định trong Dự thảo Nghị định về các vấn đề cần giải quyết và giải pháp đối với từng vấn đề.

II. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ VÀ LỰA CHỌN VẤN ĐỀ

1. Phương pháp đánh giá

Phương pháp đánh giá được sử dụng trong Báo cáo này được thực hiện theo phương pháp đánh giá tác động văn bản quy phạm pháp luật dựa theo "Sổ tay hướng dẫn thực hiện đánh giá tác động văn bản quy phạm pháp luật" do Bộ Tư pháp biên soạn.

Quy trình đánh giá tác động chính sách trong xây dựng Nghị định được tiến hành theo các bước sau:

(1) Xác định các vấn đề ưu tiên dựa trên các tiêu chí rõ ràng;

(2) Xác định các mục tiêu của vấn đề;

(3) Lựa chọn các giải pháp để giải quyết từng vấn đề;

(4) Xác định các yếu tố có tác động lớn nhất (hoặc chi phí và lợi ích chính) đối với từng vấn đề;

(5) Xác định các dữ liệu phân tích;

(6) Xác định cách thức thu thập dữ liệu và tham vấn về phương pháp thu thập dữ liệu;

(7) Thu thập, tập hợp dữ liệu và tham vấn về sử dụng thông tin, dữ liệu;

(8) Đánh giá, phân tích các dữ liệu đã thu thập được;

(9) Nhóm nghiên cứu dự thảo báo cáo, thống nhất về cách diễn giải kết quả phân tích, thống nhất các giải pháp và kết luận;

(10) Lập báo cáo đánh giá tác động.

Quá trình thực hiện đánh giá tác động chính sách trong xây dựng Nghị định đã đưa ra được các phương án cụ thể cho từng vấn đề, đánh giá các tác động tích cực và tiêu cực của các phương án đó và trình bày kết quả đánh giá để so sánh các phương án với nhau một cách rõ ràng. Trong quá trình đánh giá, nhiều phương án lựa chọn cho một số quy định về chính sách trong xây dựng Nghị định đã được cân nhắc; các thông tin về tác động tích cực và tác động tiêu cực của các phương án lựa cũng đã được đưa ra thảo luận. Các thông tin đó đặc biệt có ích khi còn có ý kiến khác nhau về nội dung của chính sách. Phương án được xem là phù hợp nhất nếu có tác động lớn nhất, ít rủi ro nhất (hoặc chi phí thấp nhất) mà đem lại nhiều lợi ích từ quy định của pháp luật.

Trong quá trình đánh giá, nhóm nghiên cứu đã sử dụng thông tin, dữ liệu bao gồm định tính và định lượng từ điều tra chăn nuôi, các điều tra chuyên ngành có liên quan, các nghiên cứu khoa học và thông tin, dữ liệu thu được từ báo cáo kết quả thu thập ý kiến từ các nhóm đối tượng chịu sự tác động của các quy định chính sách trong Nghị định. Do đó, các nguồn thông tin, dữ liệu sẽ bảo đảm hoạt động đánh giá có độ tin cậy cao và tạo ra cơ sở cho việc lựa chọn phương án phù hợp có sự đồng thuận cao hơn.

2. Lựa chọn vấn đề ưu tiên để đánh giá tác động

2.1. Nguyên tắc lựa chọn vấn đề cần ưu tiên đánh giá tác động:

- Vấn đề có tác động lớn chiến lược phát triển chăn nuôi nhằm đạt được các mục tiêu kinh tế - xã hội.

- Vấn đề tạo ra sự thay đổi và ảnh hưởng đến việc tổ chức thực hiện công tác chăn nuôi, hiệu quả chăn nuôi và đến các đối tượng liên quan đến chăn nuôi.

2.2. Các vấn đề được lựa chọn để đánh giá tác động trong báo cáo

Trên cơ sở các tiêu chí nêu trên, các vấn đề chủ yếu được lựa chọn để đánh giá, bao gồm:

(1) Chính sách hỗ trợ xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu ngành chăn nuôi;

(2) Hỗ trợ xây dựng các mô hình chăn nuôi;

(3) Hỗ trợ sản xuất, chế biến, bảo quản và tiêu thụ nguyên liệu trong nước để sản xuất thức ăn chăn nuôi;

(4) Hỗ trợ xây dựng chợ đầu mối, cơ sở đấu giá, dự trữ sản phẩm chăn nuôi, sàn giao dịch vật tư chăn nuôi; xúc tiến thương mại để quảng bá, tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi;

(5) Chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi;

(6) Chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi.

III. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH

1. Vấn đề 1: Chính sách hỗ trợ xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu ngành chăn nuôi

1.1. Xác định vấn đề

Hệ thống dữ liệu ngành chăn nuôi là cơ sở quan trọng để cơ quan quản lý trong công tác điều hành và xây dựng chính sách phát triển ngành chăn nuôi, kiểm soát chặt chẽ chất lượng, an toàn thực phẩm nhằm nâng cao giá trị, sức cạnh tranh của sản phẩm chăn nuôi. Mặt khác, hệ thống dữ liệu ngành chăn nuôi giúp kết nối giữa các bên có liên quan trong ngành chăn nuôi (cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp và người chăn nuôi) góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành chăn nuôi.

1.2. Mục tiêu

Ngoài chức năng dự báo sản xuất, cơ sở dữ liệu ngành chăn nuôi chính xác, kịp thời giúp cơ quan quản lý trong công tác điều hành và xây dựng chính sách phát triển ngành chăn nuôi, kiểm soát chặt chẽ chất lượng, an toàn thực phẩm nhằm nâng cao giá trị, sức cạnh tranh của sản phẩm chăn nuôi. Mặt khác, hệ thống dữ liệu ngành chăn nuôi giúp kết nối giữa các bên có liên quan trong ngành chăn nuôi (cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp và người chăn nuôi) góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành chăn nuôi.

1.3. Chính sách hỗ trợ xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu ngành chăn nuôi

Chính sách này hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức thực hiện nhiệm vụ, dự án xây dựng cơ sở dữ liệu ngành chăn nuôi, cụ thể như sau:

a) Đầu tư 100% kinh phí cho cơ quan quản lý nhà nước thực hiện nhiệm vụ xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về chăn nuôi theo quy định tại Điều 11 Luật Chăn nuôi, dự báo thị trường chăn nuôi, hệ thống đào tạo trực tuyến về quản lý nhà nước lĩnh vực chăn nuôi.

b) Hỗ trợ không quá 50% tổng mức đầu tư dự án cho tổ chức thực hiện dự án xây dựng cơ sở dữ liệu về chăn nuôi theo quy định tại Điều 11 Luật Chăn nuôi, hệ thống đào tạo trực tuyến về quản lý nhà nước lĩnh vực chăn nuôi; mức hỗ trợ tối đa 100 triệu đồng/dự án.

1.4. Đánh giá tác động của chính sách

Hệ thống cơ sở dữ liệu chăn nuôi là cơ sở quan trọng trong hoạt động quản lý, điều hành của cơ quan quản lý nhà nước trong tổ chức sản xuất, xây dựng chính sách hỗ trợ, điều hành thị trường trong lĩnh vực chăn nuôi; đồng thời góp phần thực hiện truy xuất nguồn gốc sản phẩm chăn nuôi.

** Tác động tích cực*

Hệ thống cơ sở dữ liệu giúp cho các cơ quan quản lý thuận lợi trong công tác thống kê, báo cáo, quản lý chung và người chăn nuôi có thể nắm đươc các thông tin một cách công khai, chính xác về tình hình sản xuất, thông tin dự báo thị trường, chiến lược phát triển, chính sách hỗ trợ. Từ đó, tổ chức phát triển sản xuất chăn nuôi có hiệu quả hơn.

** Tác động về tài chính:*

- Về phía cơ quan quản lý nhà nước: Phát sinh chi phí từ ngân sách nhà nước cho việc xây dựng cơ sở vật chất, nguồn lực để phát triển hệ thống dữ liệu. Chi phí này ước tính: 205 tỷ đồng.

- Chi phí cho công tác tập huấn, phổ biến các địa phương, doanh nghiệp, người chăn nuôi… để cập nhật, khai thác cơ sở dữ liệu.

- Về phía các tổ chức, cá nhân: Các tổ chức, cá nhân bổ sung kinh phí cho nhân lực thực hiện cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu.

** Tác động về xã hội:*

Thông tin về thị trường sản phẩm chăn nuôi được cập nhật thường xuyên, truy xuất được nguồn gốc góp phần phát triển sản xuất có hiệu quả, tạo việc làm ổn định cho người dân.

** Tác động tiêu cực:* Không có tác động tiêu cực.

Như vậy, việc triển khai chính sách hỗ trợ xây dựng cơ sở dữ liệu ngành chăn nuôi không những nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đồng thời đáp ứng yêu cầu hội nhập, phù hợp với mức độ phát triển kinh tế, xã hội thực tế hiện nay của Việt Nam.

2. Vấn đề 2: Chính sách hỗ trợ xây dựng các mô hình chăn nuôi

2.1. Xác định vấn đề

Phát triển chăn nuôi trang trại không những tạo sản sản phẩm hàng hóa mà còn giảm chi phí sản xuất, tăng hiệu quả chăn nuôi, cải thiện chất lượng sản phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường.

Xây dựng cơ sở hạ tầng (đường giao thông, hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước...), hệ thống phụ trợ (xử lý chất thải chăn nuôi, thiết bị chăn nuôi...) là những nhân tố quan trọng thúc đẩy phát triển chăn nuôi hàng hóa và góp phần không nhỏ trong cải thiện chất lượng sản phẩm chăn nuôi.

Phát triển chăn nuôi theo quy trình thực hành chăn nuôi tốt, chăn nuôi an toàn sinh học, chăn nuôi hữu cơ là giải pháp quan trọng để giảm thiểu tác động của dịch bệnh tới sản xuất và góp phần tạo sản phẩm chăn nuôi có chất lượng cao.

2.2. Mục tiêu

Phát triển chăn nuôi trang trại nhằm tạo ra sản phẩm hàng hóa quy mô lớn, giảm chi phí sản xuất, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành chăn nuôi. Đồng thời, phát triển mô hình chăn nuôi VietGAP, an toàn sinh học, chăn nuôi hữu cơ... góp phần nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm chăn nuôi, góp phần bảo vệ môi trường khu vực nông thôn.

2.3. Chính sách hỗ trợ xây dựng các mô hình chăn nuôi

Chính sách này hỗ trợ không quá 30% tổng mức đầu tư để xây dựng, nâng cấp đến chân hàng rào khu chăn nuôi đối với đường giao thông, điện hạ thế, hệ thống xử lý chất thải, hệ thống cấp thoát nước, hoặc trang thiết bị phục vụ chăn nuôi để xây dựng một trong các mô hình sau: chăn nuôi theo quy trình thực hành chăn nuôi tốt, chăn nuôi an toàn sinh học, chăn nuôi hữu cơ; mức hỗ trợ tối đa 300 triệu đồng/cơ sở.

2.4. Đánh giá tác động của chính sách

** Tác động tích cực:*

Xây dựng các mô hình phát triển chăn nuôi theo hướng an toàn, bền vững (chăn nuôi theo quy trình VietGAP, chăn nuôi an toàn sinh học, chăn nuôi hữu cơ) góp phần cải thiện chất lượng, đảm bảo truy xuất nguồn gốc sản phẩm chăn nuôi, hạn chế dịch bệnh.

** Tác động tài chính:*

Phát sinh chi phí từ ngân sách nhà nước cho việc đầu tư đường giao thông, điện hạ thế, hệ thống xử lý chất thải, hệ thống cấp thoát nước, trang thiết bị chăn nuôi để xây dựng mô hình chăn nuôi theo quy trình VietGAP, chăn nuôi an toàn sinh học, chăn nuôi hữu cơ. Chi phí này ước tính 210 tỷ đồng.

** Tác động xã hội:*

Hệ thống cơ sở hạ tầng được cải thiện tăng cơ hội tiếp cận thị trường của sản phẩm chăn nuôi, góp phần nâng cao hiệu quả chăn nuôi. Đồng thời, phát triển chăn nuôi theo hướng bền vững góp phần bảo vệ môi trường.

3. Vấn đề 3: Hỗ trợ sản xuất, chế biến, bảo quản và tiêu thụ nguyên liệu trong nước để sản xuất thức ăn chăn nuôi

3.1. Xác định vấn đề

Theo Tổng cục Hải quan, kim ngạch nhập khẩu nguyên liệu và thức ăn chăn nuôi về Việt Nam trong 9 tháng đầu năm 2022 đạt gần 4,07 tỷ USD, tăng 8,6% so với cùng kỳ năm 2021. Trước đó, năm 2021, Việt Nam cũng đã chi tới gần 5 tỷ USD để nhập khẩu nguyên liệu và thức ăn chăn nuôi.

Giá nguyên liệu thức ăn chăn nuôi nhập khẩu tăng cao do vận chuyển bị gián đoạn bởi dịch COVID-19 và xung đột Nga - Ukraine. Tính từ cuối năm 2020 đến nay, giá các thức ăn chăn nuôi trong nước đã tăng tới 17 lần, trong khi giá bán sản phẩm không tăng, thậm chí có thời điểm giảm dưới giá thành sản xuất.

Trong chăn nuôi, thức ăn chăn nuôi đóng vai trò quan trọng, chiếm tới 65 – 70% chi phí sản xuất. Theo thống kê sơ bộ, hiện cả nước có 269 nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi hỗn hợp, có công nghệ sản xuất hiện đại, sản lượng nguyên liệu thức ăn chăn nuôi cần sử dụng lên đến 33 triệu tấn, trong đó 65% phụ thuộc nhập khẩu. Chính vì vậy, việc phát triển các vùng nguyên liệu ngô, đậu tương là rất cần thiết để chủ động ít nhất 50% nguồn nguyên liệu trong nước, giảm dần phụ thuộc vào nhập khẩu.

3.2. Mục tiêu

Để từng bước giảm thiểu sự phụ thuộc của việc nhập khẩu nguồn nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, cần cần nâng cao năng lực sản xuất và tận dụng tối đa nguồn nguyên liệu thức ăn chăn nuôi trong nước.

3.3. Hỗ trợ sản xuất, chế biến, bảo quản và tiêu thụ nguyên liệu trong nước để sản xuất thức ăn chăn nuôi

Cá nhân, tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp có dự án đầu tư cơ sở sản xuất, chế biến, bảo quản và tiêu thụ nguyên liệu trong nước để sản xuất thức ăn chăn nuôi được hỗ trợ:

a) Hỗ trợ cá nhân, tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp xây dựng vùng trồng nguyên liệu thức ăn chăn nuôi chi phí đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật, bao gồm: đường giao thông nội đồng, thủy lợi, hệ thống tưới tiêu, điện, khu tập kết sản phẩm sau thu hoạch. Mức hỗ trợ đầu tư không quá 50% tổng chi phí thực hiện dự án và tối đa 05 tỷ đồng/dự án.

b) Hỗ trợ cá nhân, tổ hợp tác, hợp tác xã chi phí thuê đất, thuê mặt bằng, thuê mặt nước; chuyển đổi đất nông nghiệp để xây dựng vùng trồng nguyên liệu thức ăn chăn nuôi đối với dự án có diện tích đất trồng tối thiểu 01 hecta/dự án. Mức hỗ trợ đầu tư không quá 50% tổng chi phí thực hiện dự án và tối đa 01 tỷ đồng/dự án.

c) Hỗ trợ cá nhân, tổ hợp tác, hợp tác xã chi phí mua vật tư, thiết bị thu gom, đóng gói, vận chuyển, sơ chế, chế biến, bảo quản phụ phẩm công nghiệp, nông nghiệp làm nguyên liệu thức ăn chăn nuôi đối với dự án có tổng công suất sản xuất thiết kế đạt tối thiểu 300 nghìn tấn/năm. Mức hỗ trợ đầu tư không quá 50% tổng chi phí thực hiện dự án và tối đa 01 tỷ đồng/dự án.

d) Hỗ trợ doanh nghiệp kinh phí mua thiết bị, bản quyền công nghệ từ nước ngoài để sản xuất nguyên liệu đơn làm thức ăn bổ sung trong nước đối với dự án có công suất sản xuất thiết kế tối thiểu 100 tấn/năm. Mức hỗ trợ đầu tư không quá 50% tổng chi phí thực hiện dự án và tối đa 02 tỷ đồng/dự án.

đ) Hỗ trợ cá nhân, tổ hợp tác, hợp tác xã chi phí mua bồn bảo quản thức ăn chăn nuôi dạng hàng rời tại trại chăn nuôi quy mô trang trại vừa và lớn. Mức hỗ trợ đầu tư không quá 50% tổng chi phí thực hiện dự án và tối đa 100 triệu đồng/dự án.

e) Hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp chi phí mua giống cây trồng làm thức ăn chăn nuôi đối với dự án có diện tích đất trồng tối thiểu 01 hecta/dự án. Mức hỗ trợ đầu tư không quá 50% tổng chi phí thực hiện dự án và tối đa 100 triệu đồng/dự án.

3.4. Đánh giá tác động của chính sách

** Tác động tài chính:*

Phát sinh chi phí từ ngân sách nhà nước cho việc đầu tư cơ sở hạ tầng, sản xuất, chế biến nguyên liệu thức ăn trong nước. Chi phí này ước tính 285 tỷ đồng.

** Tác động tích cực:*

Chủ động được nguồn thức ăn chăn nuôi là nhân tố then chốt để ngành chăn nuôi phát triển một cách bền vững; đồng thời, sẽ giúp cho nền kinh tế nông nghiệp nước ta phát triển mạnh mẽ, quan trọng nhất là không phải phụ thuộc vào nguồn nhập từ nước ngoài.

4. Vấn đề 4: Hỗ trợ xây dựng chợ đầu mối, cơ sở đấu giá, sàn giao dịch vật tư chăn nuôi, dự trữ sản phẩm chăn nuôi và phát triển thị trường sản phẩm chăn nuôi

4.1. Xác định vấn đề

Để hỗ trợ phát triển ngành chăn nuôi cần: Phát triển rộng mô hình các chuỗi liên kết trong chăn nuôi, giết mổ, chế biến và tiêu thụ sản phẩm; Tổ chức lại thị trường tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi trong nước, giảm bớt các khâu trung gian trong quá trình lưu thông sản phẩm.

4.2. Mục tiêu

Bổ sung các chính sách về dự báo thị trường, xây dựng thương hiệu, xúc tiến thương mại, phát triển thị trường nhằm cải thiện khả năng tiếp cận thị trường quốc tế và nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm chăn nuôi.

4.3. Hỗ trợ xây dựng chợ đầu mối, cơ sở đấu giá, sàn giao dịch vật tư chăn nuôi, dự trữ sản phẩm chăn nuôi và phát triển thị trường sản phẩm chăn nuôi

Tổ chức, cá nhân thực hiện dự án xây dựng chợ đầu mối, cơ sở đấu giá, sàn giao dịch vật tư chăn nuôi, kho lạnh dự trữ sản phẩm chăn nuôi, và dự án phát triển thị trường sản phẩm chăn nuôi được hỗ trợ:

a) Hỗ trợ không quá 40% tổng kinh phí dự án để xây dựng cơ sở hạ tầng, trang thiết bị thiết yếu đối với chợ đầu mối, cơ sở đấu giá, các sàn giao dịch vật tư chăn nuôi để phát triển sản phẩm chăn nuôi; mức hỗ trợ tối đa 02 tỷ đồng/dự án.

b) Hỗ trợ không quá 50% giá trị xây dựng kho lạnh dự trữ sản phẩm chăn nuôi; mức hỗ trợ tối đa 03 tỷ đồng/kho lạnh.

c) Hỗ trợ không quá 30% tổng kinh phí dự án về phát triển thị trường sản phẩm chăn nuôi nhằm quảng bá sản phẩm; xây dựng và phát triển các chuỗi liên kết từ sản xuất - giết mổ, chế biến - tiêu thụ sản phẩm, mức hỗ trợ tối đa 02 tỷ đồng/dự án.

4.4. Đánh giá tác động chính sách

** Tác động tài chính:*

Phát sinh chi phí từ ngân sách nhà nước cho việc xây dựng chợ đầu mối, cơ sở đấu giá, sàn giao dịch vật tư chăn nuôi, kho lạnh dự trữ sản phẩm chăn nuôi, và dự án phát triển thị trường sản phẩm chăn nuôi. Chi phí này ước tính 260 tỷ đồng.

** Tác động xã hội:*

Xây dựng chợ đầu mối, sàn giao dịch vật tư chăn nuôi, xúc tiến thương mại và phát triển thị trường chăn nuôi tạo cơ hội để nhà chăn nuôi tiếp cận thị trường, mở rộng sản xuất, phát triển các sản phẩm đáp ứng với yêu cầu của thị trường.

Dự báo thị trường và các biện pháp bảo quản giúp cân đối cung cầu, tổ chức sản xuất hiệu quả hơn.

5. Vấn đề 5: Chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi

5.1. Xác định vấn đề

Các cơ sở chăn nuôi xây dựng và hoạt động trước ngày Luật Chăn nuôi có hiệu lực thi hành thuộc khu vực không được phép chăn nuôi của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư quy định tại khoản 1 Điều 12 Luật Chăn nuôi phải ngừng hoạt động hoặc di dời đến địa điểm phù hợp. Do đó, vấn đề đặt ra làm thế nào để vừa bảo đảm việc tiếp tục sản xuất chăn nuôi, không vi phạm các quy định của luật và giảm thiểu ô nhiễm môi trường ở khu vực đô thị, khu dân cư, bảo vệ sức khỏe cộng đồng cũng như mỹ quan đô thị. Chính sách di dời tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân tham gia vào các hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm thực hiện di dời ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi đến địa điểm phù hợp tiếp tục sản xuất hoặc ngừng các hoạt động chăn nuôi chuyển đổi ngành nghề khác để ổn định sinh kế.

5.2. Mục tiêu

Trước yêu cầu thực tế của công tác phát triển chăn nuôi và đảm bảo quy định của pháp luật được thực thi. Đồng thời, chính sách sẽ tạo điều kiện để các địa phương quản lý các hoạt động tại các khu vực theo quy định, giảm dần và tiến tới xóa bỏ chăn nuôi ở khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị trấn, khu dân

cư, đang gây mất mỹ quan, cảnh quan, văn minh đô thị và tình trạng ô nhiễm môi trường đang diễn ra tại các đô thị và khu dân cư tập trung.

5.3. Chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi

Cơ sở chăn nuôi được xây dựng trước khi Luật Chăn nuôi ban hành, đang hoạt động tại khu vực không được phép chăn nuôi được hỗ trợ di dời đến địa điểm phù hợp hoặc ngừng hoạt động và chuyển đổi ngành nghề kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, cụ thể như sau:

Được hỗ trợ một lần đối với một trong các nội dung hỗ trợ sau:

a) Hỗ trợ bố trí quỹ đất để xây dựng cơ sở chăn nuôi cho những đối tượng di dời.

b) Hỗ trợ không quá 50% kinh phí tái thiết cơ sở chăn nuôi theo quy mô chăn nuôi buộc phải di dời; mức hỗ trợ tối đa 10 tỷ đồng/cơ sở.

c) Hỗ trợ không quá 50% kinh phí di chuyển vật nuôi đến địa điểm phù hợp; mức hỗ trợ tối đa 500 triệu đồng/cơ sở.

d) Hỗ trợ 100% kinh phí đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; mức hỗ trợ tối đa 03 tháng lương cơ bản/người.

đ) Các nội dung hỗ trợ khác phù hợp với đặc thù về chăn nuôi của địa phương do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định.

5.4. Đánh giá tác động của chính sách

** Tác động tài chính:*

Phát sinh chi phí từ ngân sách nhà nước cho việc hỗ trợ di dời các cơ sở chăn nuôi đến nơi phù hợp và chuyển đổi nghề. Nếu Nhà nước không hỗ trợ chi phí đầu tư còn lại của cơ sở chăn nuôi ngừng hoạt động cơ sở chăn nuôi sẽ không có thêm nguồn kinh phí để đầu tư chuyển đổi mục đích sản xuất khác, đồng thời không khuyến khích được cơ sở chăn nuôi ngừng hoạt động, cơ sở sẽ tiếp tục chăn nuôi gây ảnh hưởng lớn môi trường và người dân xung quanh.

Thực hiện hỗ trợ tiền xây dựng hệ thống chuồng trại và các công trình phục vụ chăn nuôi để cơ sở chăn nuôi có thêm nguồn kinh phí đầu tư vào mục đích khác sớm ổn định sản xuất, đảm bảo duy trì hoạt động sản xuất.

Hầu hết các cơ sở chăn nuôi nằm trong khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn các tỉnh phải di dời, đã thực hiện xây dựng chuồng trại bằng các vật liệu từ kiên cố, vật liệu tạm, nên trong quá trình tháo dỡ sẽ dẫn đến hư hỏng, khả năng tận dụng lại vật liệu là rất thấp, các cơ sở chăn nuôi phải tốn một khoản kinh phí mua nguyên vật liệu cho việc xây dựng mới chuồng trại. Vì vậy, cần hỗ trợ, nhà nước sẽ mất một khoản kinh phí, tuy nhiên các cơ sở chăn nuôi đỡ khó khăn và sẽ đồng tình hưởng ứng, tự giác thực hiện di dời.

Đối với các cơ sở chăn nuôi di dời được hỗ trợ một phần kinh phí, nhằm giảm bớt một phần khó khăn, đồng thời giúp cho việc di dời được thực hiện thuận lợi, cơ sở chăn nuôi sẽ chấp hành tốt việc di dời, qua đó tạo điều kiện cho việc

chỉnh trang đô thị, cải thiện môi trường sống cho cộng đồng dân cư, mặt khác tạo điều kiện cho chủ các cơ sở chăn nuôi có nguồn kinh phí để tiếp tục phát triển chăn nuôi bền vững theo định hướng chăn nuôi của tỉnh, từng bước chuyển đổi từ chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán sang phát triển chăn nuôi tập trung ở khu vực có mật độ dân số thấp. Khuyến khích cơ sở chăn nuôi đầu tư ứng dụng công nghệ chăn nuôi, đảm bảo an toàn thực phẩm, kiểm soát tốt dịch bệnh và môi trường, phát triển công nghiệp chế biến và đa dạng hóa các sản phẩm chăn nuôi.

Ước tính chi phí này khoảng 1.014 tỷ đồng.

** Tác động tích cực:*

Di dời các cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi giúp các địa phương quy hoạch, thực hiện quy hoạch chăn nuôi tập trung, tạo điều kiện, cơ hội cho các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động chăn nuôi, thực hiện chăn nuôi theo quy hoạch, mở rộng và nâng quy mô chăn nuôi; từng bước hình thành khu chăn nuôi tập trung; giảm thiểu phát sinh lây lan dịch bệnh đối với đàn vật nuôi, đặc biệt các bệnh truyền nhiễm lây sang người như bệnh dại, cúm gia cầm, liên cầu khuẩn... giải quyết được vấn đề ô nhiễm môi trường từ chăn nuôi ảnh hưởng không tốt đến sức của cộng đồng dân cư; thuận tiện cho việc chỉnh trang khu dân cư, khu đô thị.

** Tác động xã hội:*

Môi trường sống của người dân được cải thiện, hạn chế những ảnh hưởng xấu đến sức khỏe. Khi đó người dân tại khu vực sẽ được hưởng cuộc sống tốt hơn, môi trường trong sạch, không bị truyền lây các bệnh từ động vật sang người, giảm chi phí khám chữa bệnh cho người dân; đối với nhà nước sẽ không mất chi phí cưỡng chế, khắc phục ô nhiễm môi trường, giải quyết hậu quả do dịch bệnh gây ra.

** Tác động tiêu cực:*

Chủ cơ sở, người lao động của cơ sở chăn nuôi nằm trong khu vực không được phép chăn nuôi khi ngừng hoạt động, chuyển đổi ngành nghề không có thu nhập, tác động trực tiếp đến đời sống, sinh hoạt của chính các cơ sở chăn nuôi.

6. Vấn đề 6: Hỗ trợ phối giống nhân tạo đối với trâu, bò, lợn

6.1. Xác định vấn đề

Giống vật nuôi là yếu tố tiền đề trong chăn nuôi. Để chăn nuôi có hiệu quả cần có nguồn giống tốt, có năng suất chất lượng cao. Vì vậy, nâng cao chất lượng đàn giống là rất cần thiết. Thụ tinh nhân tạo trâu, bò, lợn là một trong những tiến bộ kỹ thuật mới giúp đẩy nhanh tiến bộ di truyền, rút ngắn thời gian cải tạo giống, hạn chế được lây lan dịch bệnh, hạ giá thành sản xuất do giảm chi phí nuôi đực giống.

Tại nhiều địa phương nhận thức của người dân về vai trò và lợi ích của biện pháp thụ tinh nhân tạo trong phát triển chăn nuôi còn hạn chế nên việc áp dụng thụ tinh nhân tạo còn thấp, người chăn nuôi còn chưa có kiến thức, kinh nghiệm tốt trong phát hiện động dục; thông tin liên lạc giữa các hộ chăn nuôi và Dẫn tinh viên, với cơ quan quản lý cơ sở chưa được thuận tiện và chưa được hợp tác chặt

chẽ nên nhiều khi thời điểm phối giống thích hợp nhất bị bỏ lỡ, làm ảnh hưởng đến tỷ lệ thụ thai…

6.2. Mục tiêu

Đầu tư phát triển và củng cố hệ thống, dịch vụ kỹ thuật và vật tư TTNT từ TW đến địa phương trên phạm vi toàn quốc đáp ứng nhu cầu truyền giống nhân tạo đáp ứng nhu cầu phát triển chăn nuôi về số lượng và chất lượng cao, tạo việc làm, tăng thu nhập và cải thiện đời sống cho nông dân, góp phần chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn và bảo vệ môi trường.

6.3. Chính sách hỗ trợ phối giống nhân tạo đối với trâu, bò, lợn

Hộ chăn nuôi và người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc được hỗ trợ:

a) Hỗ trợ 100% kinh phí về vật tư phối giống nhân tạo gồm tinh đông lạnh, Nitơ lỏng, găng tay và dẫn tinh quản cho hộ chăn nuôi để phối giống cho trâu, bò cái; mức hỗ trợ tối đa 03 liều tinh/ lần có chửa đối với trâu, bò sữa và 02 liều tinh/lần có chửa đối với bò thịt.

b) Hỗ trợ 100% kinh phí về liều tinh cho hộ chăn nuôi để thực hiện phối giống cho lợn nái; mức hỗ trợ tối đa 02 liều tinh/lần phối giống và tối đa 06 liều tinh/nái/năm.

c) Hỗ trợ kinh phí cho cá nhân học tập về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc theo chi phí thực tế tối đa 02 tháng lương cơ bản/người/khóa học.

d) Hỗ trợ một lần không quá 30% giá trị bình chứa Nitơ lỏng cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc; mức hỗ trợ tối đa 5 triệu đồng/bình/người.

đ) Hỗ trợ công phối giống trâu, bò cái tối đa không quá 300.000 đồng/con/lần có chửa.

6.4. Đánh giá tác động của chính sách:

** Tác động tài chính:*

Phát sinh chi phí từ ngân sách nhà nước cho việc hỗ trợ phối giống nhân tạo trâu, bò, lợn. Ước tính chi phí này khoảng 565 tỷ đồng.

** Tác động tích cực:*

Nâng cao nhận thức của các cấp quản lý và người chăn nuôi về vấn đề sự cần thiết phải nâng cao năng suất sinh sản của đàn giống trong sản xuất yếu tố quan trọng để hạ giá thành sản phẩm chăn nuôi của nước ta hiện nay. Biện pháp thụ tinh nhân tạo trong công tác nhân giống trâu, bò, lợn là giải pháp kỹ thuật quan trong trong công tác giống mà bất kỳ một quốc gia chăn nuôi tiên tiến nào cũng phải áp dụng…

7. Vấn đề 7: Hỗ trợ mua đực giống trâu, bò, dê, cừu, lợn, hươu và gà, vịt, ngan giống cấp bố mẹ

7.1. Xác định vấn đề

Trong chăn nuôi, giống vật nuôi đóng vai trò quan trọng, là yếu tố quyết định mục tiêu nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất. Trong những năm qua, chất lượng đàn giống vật nuôi đã được cải thiện đáng kể về năng suất, chất lượng. Tuy nhiên, tình trạng sử dụng giống không rõ nguồn gốc, con thương phẩm để sinh sản còn khá phổ biến ở nhiều địa phương. Do đó, hỗ trợ đực giống và gia cầm giống bố mẹ để thay thế những con giống kém chất lượng là biện pháp kỹ thuật để cải thiện chất lượng đàn giống nhanh và hiệu quả.

7.2. Mục tiêu

Cải thiện chất lượng giống, nâng cao hiệu quả chăn nuôi.

7.3. Chính sách hỗ trợ mua đực giống trâu, bò, dê, cừu, lợn, hươu và gà, vịt, ngan giống cấp bố mẹ

Chăn nuôi nông hộ theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Luật Chăn nuôi có quy mô dưới 10 đơn vị vật nuôi được hỗ trợ:

a) Hỗ trợ một lần không quá 30% giá trị mua một trong các đực giống trâu, bò, dê, cừu, lợn, hươu để phối giống, mức hỗ trợ tối đa như sau: 15 triệu đồng/đực giống đối với trâu, bò từ 12 tháng tuổi trở lên; 3 triệu đồng/đực giống đối với dê, cừu từ 06 tháng tuổi trở lên; 10 triệu đồng/đực giống đối với lợn từ 06 tháng tuổi trở lên và đã kết thúc kiểm tra năng suất cá thể; 10 triệu đồng/đực giống đối với hươu từ 06 tháng tuổi trở lên; 02 con đực giống/hộ.

b) Hỗ trợ một lần không quá 30% giá trị mua một trong các loại gà, vịt, ngan giống mái cấp bố mẹ 01 ngày tuổi để nuôi sinh sản; mức hỗ trợ tối đa 15 nghìn đồng/con; mỗi hộ chăn nuôi được hỗ trợ tối đa 500 con gà hoặc 500 con vịt hoặc 500 con ngan giống cấp bố mẹ 01 ngày tuổi.

7.4. Đánh giá tác động của chính sách

** Tác động tài chính*

Phát sinh chi phí từ ngân sách nhà nước cho việc hỗ trợ mua đực giống trâu, bò, dê, cừu, lợn, hươu và gà, vịt, ngan giống cấp bố mẹ. Ước tính chi phí này khoảng 352 tỷ đồng.

** Tác động xã hội:*

Trong những năm qua, ngành chăn nuôi nước ta có sự tăng trưởng khá cả về sản lượng và giá trị, đóng góp quan trọng cho sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Đóng góp cho sự gia tăng về năng suất và sản lượng của ngành chăn nuôi có nhiều yếu tố, trong đó giống giữ vai trò quan trọng hàng đầu (giống vật nuôi tốt có thể làm tăng năng suất đến 30%). Thông qua chính sách này, nhiều giống năng suất, chất lượng tốt sẽ được đưa vào sản xuất nhanh hơn, góp phần tăng năng suất, chất lượng sản phẩm chăn nuôi, đóng góp vào tăng trưởng của ngành chăn nuôi. Trong thời gian tới, ngành chăn nuôi nước ta sẽ phát triển, nâng cao giá trị gia tăng, hiệu quả, bền vững; đáp ứng nhu cầu trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu.

8. Vấn đề 8: Hỗ trợ xử lý chất thải chăn nuôi

8.1. Xác định vấn đề

Xử lý chất thải và bảo vệ môi trường đang là vấn đề được quan tâm hiện nay. Trong sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi là ngành có lượng phát thải lớn. Ước tính lượng chất thải phát sinh từ một số vật nuôi chính khoảng 60 triệu tấn chất thải rắn và 114 triệu m3 nước thải. Trong đó, nước thải từ chăn nuôi lợn chiếm đa số với 75 triệu m3 (chiếm khoảng 65,7% tổng lượng nước thải của ngành chăn nuôi). Đối với chăn nuôi nông hộ, tỷ lệ hộ chăn nuôi có áp dụng biện pháp xử lý chất thải trên 48%, trong đó có 59,7% cho hộ chăn nuôi lợn, 56,6% cho hộ chăn nuôi bò sữa, 48,4% cho hộ chăn nuôi bò thịt, 46,9% cho hộ chăn nuôi trâu; 29,1% cho hộ chăn nuôi gà. Các hình thức xử lý chất thải đối với các hộ chăn nuôi có xử lý gồm 48,5% ủ phân truyền thống (compost), 30,6% thực hiện quản lý chất thải theo VietGAP, 11% áp dụng khí sinh học và 6% sử dụng chế phẩm vi sinh để xử lý chất thải, 2,7% sử dụng đệm lót sinh học.

Tuy nhiên, việc xử lý chất thải trong chăn nuôi ở Việt Nam mặc dù đã được quan tâm nhưng hiện tượng ô nhiễm môi trường do chất thải từ chăn nuôi đang ngày trở nên trầm trọng và đang là vấn đề bức xúc hiện nay. Ô nhiễm môi trường ở các vùng nông thôn ngày càng nghiêm trọng hơn, một trong những nguyên nhân được xác định là nước thải từ hộ chăn nuôi quy mô nhỏ xả trực tiếp ra môi trường. Bên cạnh đó, các biện pháp xử lý chất thải chăn nuôi ở các trang trại quy mô vừa và lớn chưa thực sự phù hợp.

8.2. Mục tiêu

Xử lý chất thải chăn nuôi nhằm bảo vệ môi trường và không làm ảnh hưởng đến khu vực xung quanh các cơ sở chăn nuôi.

8.3. Chính sách hỗ trợ xử lý chất thải chăn nuôi

Chủ cơ sở chăn nuôi nông hộ và chăn nuôi trang trại, được hỗ trợ:

a) Hỗ trợ không quá 50% giá trị sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi khi áp dụng để xử lý chất thải chăn nuôi. Mức hỗ trợ tối đa như sau: 05 triệu đồng/hộ

chăn nuôi; 50 triệu đồng quy mô chăn nuôi trang trại nhỏ và vừa; 100 triệu đồng quy mô chăn nuôi trang trại lớn.

b) Hỗ trợ không quá 50% giá trị công trình khí sinh học xử lý chất thải chăn nuôi. Mức hỗ trợ tối đa như sau: 07 triệu đồng/công trình/hộ chăn nuôi; 300 triệu đồng/công trình cho quy mô chăn nuôi trang trại nhỏ và vừa; 01 tỷ đồng quy mô chăn nuôi trang trại lớn.

8.4. Đánh giá tác động chính sách

** Tác động tài chính:*

Phát sinh chi phí từ ngân sách nhà nước cho việc hỗ trợ xử lý chất thải ở các cơ sở chăn nuôi. Ước tính chi phí này khoảng 309 tỷ đồng.

** Tác động xã hội*

Công tác bảo vệ môi trường tại các cơ sở chăn nuôi ở được cải thiện. Các cơ sở chăn nuôi chú trọng đến công tác bảo vệ môi trường, xử lý mùi hôi, thu gom và xử lý chất thải góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường xung quanh, hạn chế lây truyền dịch bệnh từ động vật sang người. Người dân được sống trong môi trường lạnh mạnh, hạn chế những ảnh hưởng xấu đến sức khỏe./.

Nơi nhận:
- Chính phủ (để báo cáo);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Bộ Tư pháp (để thẩm định);
- Vụ Nông nghiệp - VPCP (để p/h);
- Vụ Pháp chế;
- Lưu: VT, CN.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Phùng Đức Tiến